

Trong đó:

$\bar{L}_i$ : là số lao động sử dụng bình quân của tháng thứ  $i$  trong năm;

$X_j$ : là số lao động của ngày thứ  $j$  trong tháng, bao gồm: số lao động (hợp đồng lao động và lao động không thuộc diện giao kết hợp đồng lao động) thực tế đang có mặt làm việc và nghỉ việc do: ốm, thai sản, con ốm mẹ nghỉ, tai nạn lao động, nghỉ phép năm, đi học do đơn vị cử, nghỉ việc riêng có hưởng lương theo bảng chấm công của đơn vị, bao gồm cả cán bộ quản lý và cán bộ của các tổ chức đoàn thể. Đối với những ngày nghỉ thì lấy số lao động theo bảng chấm công của ngày làm việc liền kề trước những ngày nghỉ đó.

$\sum_{j=1}^n X_j$ : là tổng số lao động các ngày trong tháng;

$n$ : là số ngày theo ngày dương lịch của tháng (không kể đơn vị có làm đủ hay không đủ số ngày trong tháng);

$i$ : là tháng trong năm;

$j$ : là ngày trong tháng.

3. Cách tính đối với số lẻ: Khi tính số lao động sử dụng bình quân năm theo công thức trên nếu có số lẻ thì làm tròn số theo nguyên tắc: phần lẻ từ 0,5 thì làm tròn thành 1, dưới 0,5 thì không được tính (ví dụ: 499,51 thì làm tròn lên là 500; 499,45 thì làm tròn là 499). Đối với số lao động sử dụng bình quân tháng có số lẻ thì được giữ nguyên sau dấu phẩy hai số và không làm tròn số.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hàng quý, các đơn vị có trách nhiệm báo cáo số lao động đang sử dụng với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương sở tại.

2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký. Đối

với những đơn vị chưa tính số lao động sử dụng của năm 1999 thì được áp dụng theo cách tính này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này có gì vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét giải quyết./.

Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

NGUYỄN THỊ HẰNG

## QUYẾT ĐỊNH SỐ 130/2000/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2000 về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật.

BỘ TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996;*

*Căn cứ Nghị định số 101/CP ngày 23/9/1997 quy định chi tiết một số điều về Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 96/CP ngày 07/12/1993 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 162/1999/NĐ-CP ngày 09/11/1999 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/CP ngày 20 tháng 1 năm 1995 quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động;*

*Căn cứ ủy nhiệm của Bộ Thương mại tại Văn bản số 5886/TM-TCCB ngày 22/12/1999;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổng hợp pháp chế và Vụ trưởng phụ trách Thanh tra Nhà nước về an toàn lao động,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bãi bỏ Thông tư số 26/TTLB ngày 03/10/1995 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Thương mại hướng dẫn việc cấp giấy phép nhập khẩu các loại máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

*Thứ trưởng*

LÊ DUY ĐỒNG

**BỘ TÀI CHÍNH**

**QUYẾT ĐỊNH số 20/2000/QĐ-BTC ngày 21/2/2000 về việc ban hành Biểu mức thu phí, lệ phí về công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

*Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ khoản 3 Điều 5 Nghị định số 93/CP và các Điều 18, 19, 20 của bản quy định thi hành Pháp lệnh Thú y ban hành kèm theo Nghị định số 93/CP ngày 27/11/1993 của Chính phủ;*

*Căn cứ khoản 6 và khoản 7 Điều 2 của Nghị định số 50/CP ngày 21/6/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thủy sản;*

*Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;*

*Sau khi có ý kiến của Bộ Thủy sản và theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mức thu phí, lệ phí về công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

1. Đối tượng nộp phí, lệ phí theo mức thu quy định tại Điều này là các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản khi được cơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản cấp giấy phép hoạt động, kiểm tra an toàn phương tiện, thiết bị nghề cá, chất lượng và thú y thủy sản theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cấp lại hoặc gia hạn cấp giấy phép thì thu bằng 50% mức thu quy định đối với loại phí, lệ phí tương ứng; trường hợp cần xác minh hoặc thực hiện theo quy trình cấp mới thì lệ phí thu theo mức lệ phí cấp mới.

3. Trường hợp khách hàng có đơn yêu cầu kiểm tra ngoài giờ hành chính nhà nước quy định để đảm bảo thời gian thì phí, lệ phí được tính thêm bằng 50% (năm mươi phần trăm) so với mức quy định trong các Phụ lục kèm theo Quyết định này.